

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH LIỆT



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM
MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH LỚP 4
HỌC TỐT PHÂN MÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Lĩnh vực: Tiếng Việt

Cấp học: Tiểu học

Tác giả: Nguyễn Thị Thu Phương

Đơn vị công tác: Trường TH Thanh Liệt

Chức vụ: Giáo viên

NĂM HỌC 2021 - 2022

MỤC LỤC

I. Lí do chọn đề tài	1
II. Thời gian nghiên cứu.....	1
III. Đối tượng nghiên cứu.....	1
IV. Phạm vi nghiên cứu.....	1
PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ.....	2
I. Cơ sở lí luận.....	2
II. Cơ sở thực tiễn.....	2
1 Nội dung chương trình	2
2 Yêu cầu về kiến thức	2
3 Yêu cầu về kĩ năng	3
III. Thực trạng của việc dạy phân môn Luyện từ và câu lớp 4.....	3
1. Thuận lợi	3
2. Khó khăn	4
IV. Các biện pháp giúp học sinh học tốt phân môn Luyện từ và câu	5
1. Biện pháp 1. Nắm vững mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phân môn Luyện từ và câu	5
2. Biện pháp 2: Linh hoạt sử dụng các hình thức dạy học, các ứng dụng phù hợp điều kiện dạy học trực tuyến	9
3. Biện pháp 3: Bồi dưỡng khả năng tự học cho học sinh	14
V. Kết quả đạt được	
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	19
I. Kết luận.....	19
II. Khuyến nghị	19

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Lí do chọn đề tài

Mục tiêu của môn Tiếng Việt trong chương trình tiểu học là hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong môi trường hoạt động của lứa tuổi.

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Con người học ngôn ngữ từ thuở còn thơ và suốt cuộc đời không ngừng trau dồi ngôn ngữ cho mình. Tôi nhận thấy hầu như tất cả giáo viên đều rất coi trọng môn Tiếng Việt, dành rất nhiều thời gian cho môn học nhưng đôi khi chất lượng môn Tiếng Việt vẫn chưa đạt như mong muốn.

Luyện từ và câu là phân môn của môn Tiếng Việt. Thông qua phân môn này, học sinh biết: Mở rộng và hệ thống hóa vốn từ, trang bị cho học sinh một số hiểu biết cơ bản về từ và câu, rèn cho học sinh kỹ năng dùng từ và câu, sử dụng dấu câu phù hợp, bồi dưỡng học sinh thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu, có ý thức sử dụng Tiếng Việt trong văn hóa giao tiếp.

Trong quá trình giảng dạy cho học sinh lớp 4, tôi nhận thấy số lượng các em yêu thích phân môn này chưa nhiều. Sau khi nghiên cứu, tôi thấy nếu người giáo viên có phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, tổ chức hướng dẫn các hoạt động một cách linh hoạt, nhẹ nhàng, thì các em sẽ rất hứng thú, chủ động nắm chắc kiến thức.

Vậy làm thế nào để dạy học tốt phân môn Luyện từ và câu, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Việt?

Trong khuôn khổ bài viết này, tôi mạnh dạn trình bày: **“Một số biện pháp giúp học sinh lớp 4 học tốt phân môn Luyện từ và câu”** mà tôi đã rút ra trong quá trình dạy học.

II. Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 9/2021 đến tháng 4/2022.

III. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các biện pháp giúp học sinh lớp 4 học tốt phân môn Luyện từ và câu.

IV. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là phân môn Luyện từ và câu lớp 4 tại trường tiểu học.

PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. Cơ sở lý luận

Mục tiêu của môn Tiếng Việt tiểu học là giúp hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính; giúp

học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú,... Trong đó, phân môn Luyện từ và câu ở tiểu học là phân môn có nhiệm vụ giúp học sinh phong phú hoá vốn từ, chính xác hoá vốn từ và tích cực hoá vốn từ.

Trong ba nhiệm vụ cơ bản nói trên, nhiệm vụ phong phú hoá vốn từ, phát triển, mở rộng vốn từ được coi là trọng tâm. Bởi vì, đối với học sinh tiểu học, từ ngữ được cung cấp trong phân môn Luyện từ và câu giúp các em hiểu được các phát ngôn khi nghe - đọc. Ở một mức độ nào đó, phân môn Luyện từ và câu ở tiểu học còn có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh một số khái niệm có tính chất cơ bản ban đầu về cấu tạo từ và nghĩa của từ Tiếng Việt. Các kiến thức về từ và câu lớp 4 trang bị cho học sinh thông qua hai loại bài học: bài hình thành kiến thức và bài thực hành, luyện tập. Các bài Luyện từ và câu lớp 4 cung cấp những kiến thức sơ giản về tiếng Việt để các em có thể chủ động, tự tin lựa chọn từ ngữ, kiểu câu trong nói và viết nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp. Thông qua việc trang bị cho học sinh những kiến thức về từ ngữ, ngữ pháp, phân môn Luyện từ và câu góp phần bồi dưỡng cho các em thói quen dùng từ đúng, vận dụng các dấu câu đã được học, nói và viết thành câu theo một số mục đích nói thông thường.

Kiến thức của môn Tiếng Việt lớp 4 rất phong phú, tổng hợp kiến thức của lớp 2, lớp 3. Vậy làm thế nào để học sinh nắm chắc kiến thức, học tốt môn Tiếng Việt nói chung, trong đó có phân môn Luyện từ và câu nói riêng? Đây chính là điều mà tôi còn trăn trở.

II. Cơ sở thực tiễn

Nội dung chương trình, yêu cầu kiến thức, kĩ năng của phân môn Luyện từ và câu lớp 4.

1 Nội dung chương trình

Học kỳ I: 5 chủ điểm.

Học kỳ II: 5 chủ điểm.

2 Yêu cầu về kiến thức

2.1. Ngữ âm và chữ viết

- Sơ giản về cấu tạo của tiếng.
- Cách viết tên người, tên địa lí Việt Nam và nước ngoài.

2.2. Từ vựng

- Từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và một số từ Hán Việt thông dụng) về tự nhiên, xã hội, con người (chú trọng từ ngữ về phẩm chất con người)

- Sơ giản về từ đơn, từ phức (từ láy và từ ghép).

2.3. Ngữ pháp

- Danh từ, động từ, tính từ.
- Câu đơn và các thành phần chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ.
- Các kiểu câu: câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.
- Các dấu câu: dấu chấm hỏi, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang,...

2.4. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ

Các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.

3 Yêu cầu về kĩ năng

- Từ: Nhận biết được cấu tạo của tiếng, từ, từ loại, đặt câu với những từ đã cho.
- Câu: Nhận biết các kiểu câu, các trạng ngữ, tác dụng của dấu câu, đặt câu theo mẫu. Viết đoạn văn với dấu câu thích hợp.

III. Thực trạng của việc dạy phân môn Luyện từ và câu lớp 4

1. Thuận lợi

1.1. Về phía giáo viên

- Luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình, kịp thời của Ban Giám hiệu nhà trường và các ban ngành đoàn thể.

- Giáo viên được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, tranh ảnh và các đồ dùng dạy học hiện đại phục vụ cho việc giảng dạy. Giáo viên thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học vào tiết học.

- Giáo viên được tham gia các lớp tập huấn thay sách giáo khoa theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, được nhà trường thường xuyên tổ chức các tiết chuyên đề về phân môn Luyện từ và câu để nâng cao hiệu quả dạy học trong khối. Nhà trường tổ chức học hai buổi trên ngày nên giáo viên có thời gian rèn thêm vào buổi chiều.

- Mỗi giáo viên luôn cố gắng trau dồi kiến thức, rèn kĩ năng nghiệp vụ, nhiệt tình, ham học hỏi, làm giàu kinh nghiệm của bản thân và đồng nghiệp, thích nghiên cứu và dạy Luyện từ và câu có hiệu quả.

1.2. Về phía học sinh

- Các em có đủ sách giáo khoa, từ điển Tiếng Việt.
- Được sự quan tâm, ủng hộ nhiệt tình của các bậc phụ huynh.

2. Khó khăn

- Năm học 2021 - 2022 này, lớp tôi chủ nhiệm có 47 học sinh. Để biết được tình hình cụ thể, tôi đã thiết kế bộ đề kiểm tra và kết quả khảo sát như sau:

Kết quả khảo sát về kiến thức tiếng Việt trước khi áp dụng SKKN

1. **Đối tượng khảo sát: Học sinh lớp 4D**
2. **Thời gian khảo sát: ngày 06/9/2020**
3. **Kết quả khảo sát:**

STT	Nội dung	Học sinh nắm được kiến thức	Học sinh còn chưa nắm chắc
1.	Từ (Từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, trạng thái, từ chỉ đặc điểm)	81%	19%
2.	Biện pháp tu từ (So sánh, Nhân hóa)	77%	23%
3.	Dấu câu (Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu hai chấm)	79%	21%
4.	Câu (<i>Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?</i>)	74%	26%
5.	Thành phần câu (Bộ phận trả lời câu hỏi Ai? Cái gì? Con gì?; Bộ phận trả lời câu hỏi Là gì?/ Làm gì?/ Thế nào?)	72%	28%
6.	Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học	77%	23%

Dựa vào kết quả khảo sát, tôi thấy năm học này, đa số các em đã nắm chắc kiến thức tiếng Việt, dùng từ ngữ đúng khi nói và viết. Đây là một điều dễ hiểu vì phân môn này cung cấp cho các em nhiều kiến thức, giúp các em nói đúng và sử dụng đúng từ ngữ trong nói và viết.

Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy, tôi thấy còn một số hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến việc học Tiếng Việt nói chung và phân môn Luyện từ và câu nói riêng. Cụ thể là:

2.1. Về phía giáo viên

- Phương pháp dạy học hiện tại đã đạt được những hiệu quả nhất định nhưng trong năm học 2021 – 2022 này, ngay từ đầu năm, học sinh đã học trực tuyến. Nếu chỉ sử dụng phương pháp này, tôi thấy rằng sẽ khó có thể đạt được mục tiêu của phân môn Luyện từ và câu.

- Một số giáo viên chưa kích thích được sự ham muốn, yêu thích môn học này của học sinh.

2.2. Về phía học sinh

- Khả năng tiếp thu của học sinh trong lớp không đồng đều. Một số em chưa thích học phân môn Luyện từ và câu.

- Vốn sống, sự hiểu biết và khả năng diễn đạt của học sinh còn hạn chế.

- Kiến thức về vốn từ, cấu tạo từ,... là mạch kiến thức mới, lên lớp 4, học sinh mới bắt đầu làm quen nên khá khó với học sinh.

IV. Các biện pháp giúp học sinh học tốt phân môn Luyện từ và câu

1. Biện pháp 1: Nắm vững mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phân môn Luyện từ và câu

Để giúp học sinh học tốt phân môn Luyện từ và câu, ngay từ đầu năm học, tôi đã xác định cho mình nhiệm vụ nắm vững mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phân môn này. Đặc biệt là quy trình dạy các dạng bài cụ thể. Tôi đã nghiên cứu tài liệu hướng dẫn dạy học, sách giáo viên, tài liệu hướng dẫn chuyên môn, học hỏi từ Ban Giám hiệu, từ đồng nghiệp – những người rất giàu kinh nghiệm dạy học lớp 4.

Dựa vào cách thức tổ chức dạy học thì các bài học luyện từ và câu có thể chia thành hai loại: bài lí thuyết và bài thực hành.

1.1.1. Tổ chức dạy bài lí thuyết về từ câu

Cấu tạo của bài lí thuyết về từ, câu gồm ba phần: Nhận xét, Ghi nhớ và Luyện tập.

Phần *Nhận xét* đưa ra ngữ liệu chứa hiện tượng ngôn ngữ cần nghiên cứu. Hiện tượng ngôn ngữ cần tìm hiểu nhiều lúc được lưu ý bằng cách in nghiêng hoặc in đậm. Giáo viên phải dẫn dắt, gợi mở để học sinh trả lời các câu hỏi này.

Trả lời đúng, học sinh sẽ phát hiện ra những tri thức cần phải học, những quy tắc cần ghi nhớ.

Phần *Ghi nhớ* là kết luận được rút ra một cách tự nhiên từ phần *Nhận xét*. Học sinh không phải học thuộc lòng mà ghi nhớ trên cơ sở những hiểu biết chắc chắn.

Phần *Luyện tập* là trọng tâm của giờ dạy. Phần này giúp học sinh củng cố và vận dụng những kiến thức lí thuyết đã học vào bài tập cụ thể. Các bài tập này có hai nhiệm vụ ứng với hai dạng bài tập: *Bài tập nhận diện* (giúp học sinh nhận ra hiện tượng về từ và câu cần nghiên cứu. Ví dụ: “Ghi lại các từ đơn và từ phức trong đoạn sau”, “Tìm chủ ngữ và vị ngữ trong các câu sau”) và *Bài tập vận dụng* (tạo điều kiện cho học sinh sử dụng những đơn vị từ ngữ, ngữ pháp đã học vào hoạt động nói năng của mình. Ví dụ: “Hãy viết một câu có dùng tính từ nói về một người bạn hoặc người thân của em”)

1.1.2. Tổ chức dạy bài thực hành Luyện từ và câu

Mục đích cuối cùng của việc học lí thuyết về từ và câu trong nhà trường là sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách có ý thức để có thể hiểu đúng tư tưởng, tình cảm của người khác được thể hiện bằng ngôn ngữ và để biểu hiện chính xác tư tưởng tình cảm của mình trong hình thức nói và viết.

Phân môn Luyện từ và câu lớp 4 chia thành những mạch kiến thức lớn như sau:

1. Cấu tạo từ
2. Từ loại
3. Câu phân loại theo mục đích nói
4. Các thành phần của câu: Chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ

Trong những mạch kiến thức lớn trên, mạch kiến thức về từ loại, câu phân theo mục đích nói, các thành phần của câu là tiếp nối của kiến thức lớp 2, lớp 3. Riêng mạch kiến thức về cấu tạo từ là mới, khó với học sinh. Vì thế, trong quá trình dạy học, tôi luôn luôn chủ động dạy đúng phương pháp, quy trình để chuyển tải nội dung kiến thức khoa học và chính xác nhất giúp học sinh nắm bắt được các kiến thức, kĩ năng chuẩn của phân môn Luyện từ và câu lớp 4.

Trong quá trình giảng dạy, tôi thấy một số ngữ liệu trong bài còn chưa đủ để làm rõ, tường minh kiến thức cho học sinh. Hoặc một số bài tập có yêu cầu không phù hợp với thực tế của học sinh, khiến cho học sinh khó thực hiện. Bởi vậy, tôi đã chủ động thay đổi, đưa thêm ngữ liệu để làm rõ những phần kiến thức cho học sinh.

Ví dụ 1: Trong bài *Tính từ (Tuần 11)*, học sinh cần nắm được *Tính từ là những từ ngữ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng*

thái,... nhưng trong SGK phần **Nhận xét** không có ngữ liệu về đặc điểm của trạng thái. Để minh chứng giúp dẫn học sinh đến kiến thức đó. Bởi vậy, tôi đã mạnh dạn đưa thêm ngữ liệu sau vào bài như sau:

Cho câu sau: “Bé Hoa ngủ say.” Trong cụm từ *ngủ say*, từ *say* bổ sung ý nghĩa cho từ nào? Từ đó là từ loại nào? (Học sinh trả lời: Từ *ngủ* - động từ chỉ trạng thái)

Như vậy, tính từ *say* miêu tả đặc điểm của trạng thái *ngủ*. Tính từ không chỉ miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động mà tính từ còn miêu tả đặc điểm, tính chất của trạng thái.

Ví dụ 2: Bài Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi (Tuần 15)

Ở bài này, sau khi học sinh đã tìm ra nội dung *Ghi nhớ*, tôi đưa thêm ngữ liệu: *Chúa tàu trông mắt nhìn bác sĩ, quát:*

- *Có cảm cúm không?*

Tôi hỏi học sinh

Và hỏi: “Câu hỏi dưới đây đã giữ phép lịch sự chưa?”

Học sinh sẽ nhận ra cách đặt câu hỏi như vậy chưa lịch sự vì chưa có xưng hô phù hợp với quan hệ giữa người hỏi và người được hỏi.

Sau đó, tôi sẽ giảng cho học sinh: “Có những câu hỏi không giữ phép lịch sự như câu hỏi của tên chúa tàu hỏi bác sĩ Ly. Trong cuộc sống, học sinh cần vận dụng kiến thức được học về giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi vào kỹ năng nói hàng ngày để thể hiện mình là người lịch sự, có văn hóa.”

Ví dụ 3: Khi dạy bài *Câu kể (Tuần 16)*, tôi thấy thực tế, một số câu kể kết thúc bằng dấu ba chấm nhưng trong SGK phần **Nhận xét** không có ngữ liệu để minh chứng giúp dẫn học sinh đến kiến thức đó. Bởi vậy, tôi đã mạnh dạn đưa thêm ngữ liệu sau vào bài học:

Cho câu sau: “*Thầy Rơ-nê đã già, mái tóc ngả màu xám, da nhăn nheo, nhưng đi lại vẫn nhanh nhẹn...*”. Câu trên thuộc kiểu câu gì? Cuối câu có dấu gì?

Học sinh sẽ nhận biết được câu được đưa ra là câu kể, cuối câu có dấu chấm. Qua ngữ liệu được thêm vào, học sinh sẽ dễ dàng nắm được cuối câu kể còn có thể có dấu ba chấm.

Ví dụ 4: Trong bài: *Luyện tập câu kể Ai là gì? (Tuần 26)*

Bài tập số 3: *Có lần, em cùng một số bạn trong lớp đến thăm bạn Hà bị ốm. Em giới thiệu với bố mẹ bạn Hà từng người trong nhóm. Hãy viết một đoạn văn ngắn kể lại chuyện đó (có dùng câu kể “Ai là gì?”).*

Vì đang trong thời kì phòng, chống dịch bệnh, đồng thời, trong lớp sẽ có học sinh chưa từng đi thăm bạn ốm cùng nhau, vậy học sinh sẽ sử dụng câu kể

Ai là gì? để giới thiệu với bố mẹ bạn ra sao? Chính vì vậy, để các em có thể viết được đoạn văn này, tôi mạnh dạn thay đổi ngữ liệu như sau:

Bài tập số 3: *Có lần, em cùng một số bạn trong lớp đến nhà bạn chơi, dự sinh nhật bạn hay thăm bạn ốm,... Em giới thiệu với bố mẹ bạn từng người trong nhóm. Hãy viết một đoạn văn ngắn kể lại buổi đi thăm đó (có dùng câu kể "Ai là gì?").*

=> **Sau khi thay đổi đề bài và đưa thêm ngữ liệu, tôi thấy học sinh thực sự dễ hình dung và viết đoạn văn chân thực, phong phú hơn rất nhiều.**

Ngôn ngữ tiếng Việt vốn bắt nguồn từ đời sống thực tế sinh hoạt. Tôi thấy, nếu trong quá trình dạy, giáo viên liên hệ thực tế để học sinh tìm kiến thức thì các em làm bài tập tốt hơn, hứng thú hơn. Ngược lại, sau mỗi hoạt động hoặc mỗi bài, giáo viên cần liên hệ thực tế để giáo dục các em vận dụng những điều đã học vào cuộc sống và trong sử dụng ngôn ngữ hàng ngày. Có như vậy, các em mới cảm thấy kiến thức bài học thật gần gũi, yêu thích môn học hơn.

Ví dụ 5: Mở rộng vốn từ: Ý chí - Nghị lực (Tuần 13)

Bài 3: *Viết một đoạn văn ngắn nói về một người do có ý chí, nghị lực nên đã vượt qua nhiều thử thách, đạt được thành công.*

Đây là đề bài khó và chưa thật gần gũi với học sinh. Nếu học sinh chưa nhớ các nhân vật trong các bài Tập đọc, Kể chuyện thì sẽ rất khó để có thể thực hiện được. Với bài tập này, tôi yêu cầu học sinh ngoài việc viết về những nhân vật mà các em được học, được xem trên báo, đài, các em có thể liên hệ viết về những bạn trong lớp, trong trường hoặc chính người thân của em. Và thực tế khi dạy bài này, khá nhiều học sinh trong lớp tôi đã chọn viết bạn trong lớp và người thân của mình. Khi mời đọc bài, sửa trước lớp, các em rất ngạc nhiên, thích thú. Tôi đã chọn bài làm tốt kể về những người gần gũi xung quanh để giáo dục, nêu gương trước lớp. Vì những nhân vật đó chính là con người cụ thể mà các em được biết, được thấy, như vậy sẽ có tính giáo dục tốt hơn.

=> **Như vậy, từ thực tiễn cuộc sống đã gắn với bài học giúp các em nắm được kiến thức một cách tự nhiên, nhẹ nhàng. Rất nhiều học sinh trong lớp có bài viết cảm động với lời kể chân thành, mộc mạc.**

2. Biện pháp 2: Linh hoạt sử dụng các hình thức dạy học, các ứng dụng phù hợp điều kiện dạy học trực tuyến

Trong năm học này, việc chuyển đổi hình thức dạy học trực tiếp sang trực tuyến được thực hiện ngay từ đầu năm học nên các hoạt động tổ chức dạy học cũng cần thay đổi cho phù hợp.

Tôi xác định dạy học trực tuyến sẽ gặp những khó khăn, hạn chế như: giáo viên, học sinh không được gặp trực tiếp; việc kiểm tra kết quả làm việc của

học sinh gặp nhiều khó khăn;... Bởi vậy, tôi đã mày mò tìm hiểu các ứng dụng trực tuyến có chức năng gì, tiện ích ra sao.

Qua quá trình tìm hiểu, tôi thấy rằng dạy học trực tuyến cũng có những thế mạnh mà dạy học trực tiếp khó có được. Các ứng dụng, trò chơi học tập vừa kiểm tra được kiến thức của học sinh, vừa phát hiện những kiến thức học sinh còn lúng túng để tôi có thể củng cố cho học sinh mà vẫn tạo không khí vui tươi cho giờ học. Học tập trực tuyến với các ứng dụng học tập, tôi có thể kiểm tra được kiến thức của cả lớp chứ không chỉ một vài học sinh như dạy học trực tiếp. Hình thức học tập này cũng giúp phát huy năng lực học sinh như: học sinh tự chia sẻ bài làm của mình, tương tác được với giáo viên qua khung chat (nhắn tin tới chủ phòng hoặc nhắn riêng cho cá nhân, nhắn cho cả lớp), các hiệu ứng (giơ tay, hạ tay, thích, không thích)... Trên nền tảng học tập trực tuyến, tôi cũng dễ dàng quan sát được học sinh khi ngồi học, kiểm soát việc bật/ tắt mic, hay các hiệu ứng, dễ dàng thống kê được số lượt tương tác với giáo viên.

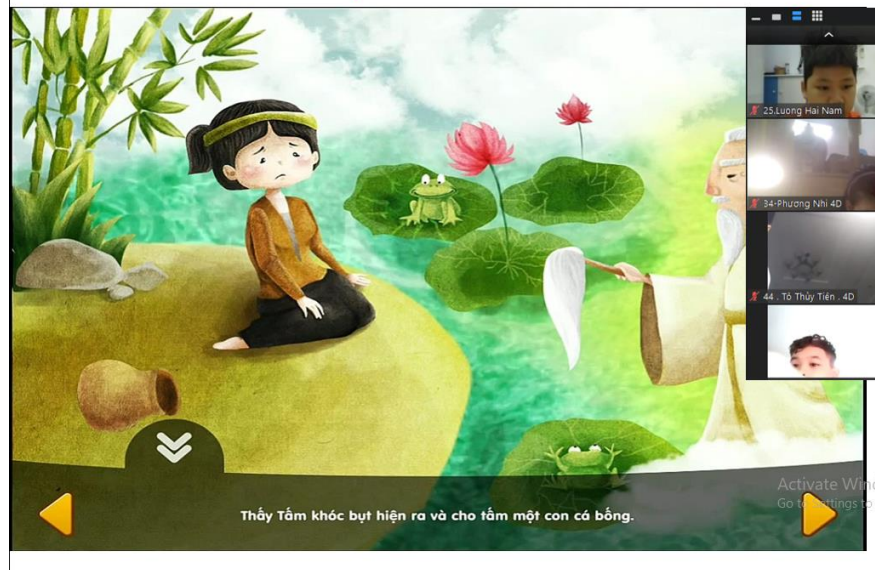
Trong rất nhiều nền tảng học tập trực tuyến, tôi lựa chọn sử dụng ứng dụng Zoom là nền tảng dạy học trực tuyến chính với lớp mình chủ nhiệm.

Đây là một nền tảng dạy học trực tuyến khá dễ dàng thao tác, thực hiện. Học sinh cũng rất hào hứng khi tham gia học tập trực tuyến.

Một số hình ảnh minh họa trong giờ học với ứng dụng Zoom



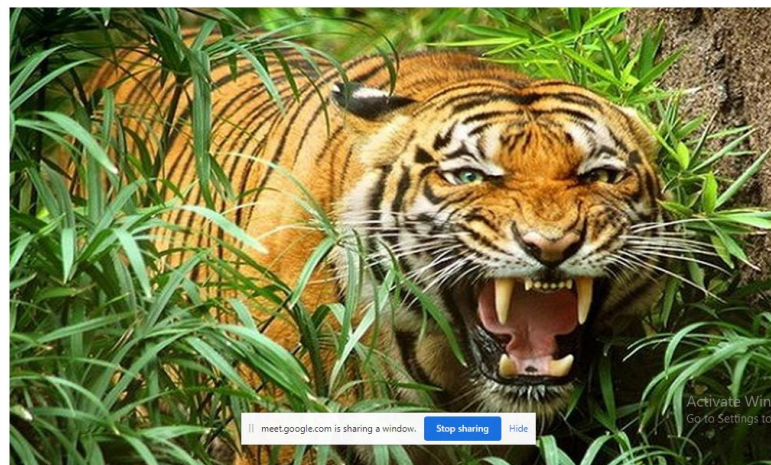
Hiền như bụt/ Lành như đất



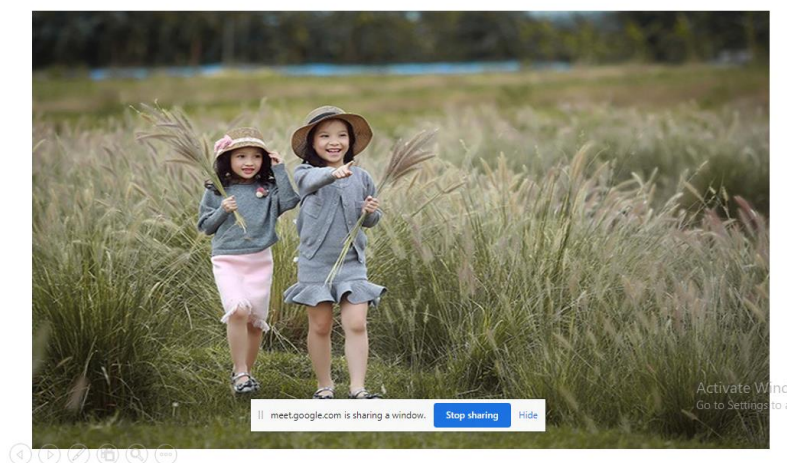
Thời gian đầu năm, khi ứng dụng Zoom bị quá tải dẫn đến đường truyền mạng không ổn định, tín hiệu kém, hình ảnh truyền đến học sinh bị mờ, nhòe; âm thanh ngắt quãng, tôi đã linh hoạt chuyển ngay sang dùng ứng dụng Google Meet và hướng dẫn học sinh cách vào học. Học sinh lớp tôi cũng rất nhanh nhạy với công nghệ, các em dựa vào sự hướng dẫn của tôi đã vào học được trên cả ứng dụng Zoom và Meet.

Một số hình ảnh minh họa trong giờ học với ứng dụng Meet

Dữ như cọp



Chị em gái



Trong quá trình học trực tuyến, có những học sinh bị thoát ra ngoài nhiều lần trong một buổi học do đường truyền mạng tại gia đình chưa ổn định. Khi gặp sự cố như vậy, hầu hết các em sẽ thấy lo lắng, đặc biệt là những em ở nhà một mình. Có em còn khóc, gọi điện thoại nhiều lần cho bố mẹ khiến bố mẹ cũng bất an với tình hình học tập trực tuyến của con em mình. Bởi vậy, ngay từ những giờ học trực tuyến đầu tiên, tôi cũng hướng dẫn học sinh khi gặp tình huống bị thoát ra như vậy, các em cứ bình tĩnh bám vào lại phòng để tiếp tục giờ học.

Nhờ sự linh hoạt trong sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến và sự hướng dẫn kịp thời, suốt quá trình học tập trực tuyến, học sinh lớp tôi đều vào học đầy đủ, phụ huynh cũng yên tâm công tác.

Không chỉ vậy, tôi cũng ứng dụng công nghệ thông tin, trò chơi học tập (Classkick, Quizizz, Padlet, Blooket, Liveworksheet, ClassDojo...) trong các giờ học để kích thích sự hứng thú trong các em.

Trong bài **Câu kể (Tuần 16)**, để kiểm tra kiến thức của học sinh, tôi đã chuyển yêu cầu 1, 2 phần Nhận xét thành phiếu thảo luận nhóm 4 qua ứng dụng Classkick. Nhóm trưởng sẽ vào link tôi gửi trong phần chat, chia sẻ màn hình của ứng dụng để các thành viên trong nhóm thảo luận, thống nhất nội dung, hoàn thành phiếu. Các nhóm làm việc đến đâu, tôi kiểm soát được đến đó, nắm được nhóm nào thực hiện nhanh, nhóm nào còn lúng túng để giúp đỡ. Với ứng dụng Classkick, học sinh rất hứng thú và tôi cũng nắm sát được tình hình học và thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

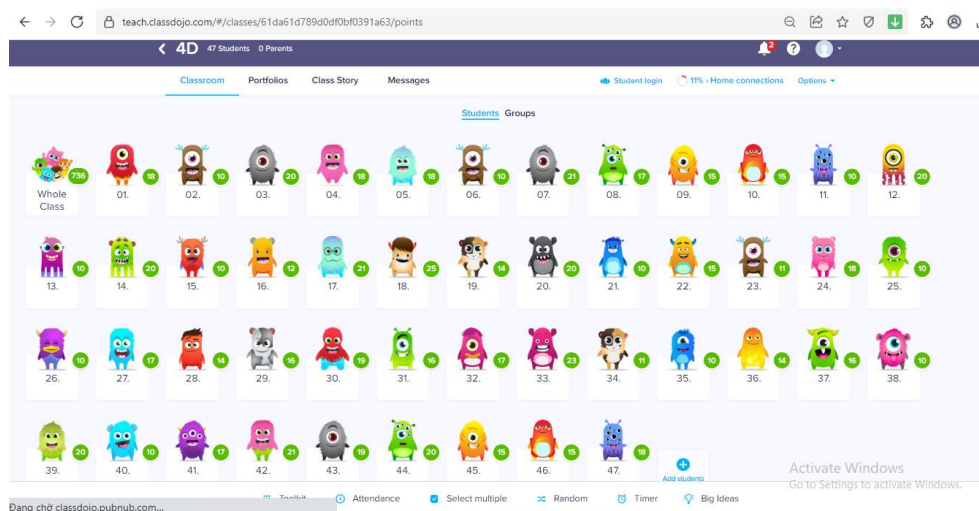
- Tôi cũng rất tâm đắc với công cụ chia nhóm (Break out room) trên Zoom. Học sinh sẽ không được chia phòng ngẫu nhiên mà các em được phân vào các nhóm cố định. Học sinh tự nhớ số nhóm của mình. Khi giáo viên có hiệu lệnh làm việc nhóm, trong thời gian nhanh nhất, các em tự chọn nhóm của

mình. Nhóm trưởng là người chia sẻ lại phiếu thảo luận, phiếu bài tập hoặc nhiệm vụ học tập để thành viên trong nhóm quan sát, thảo luận. Thư kí của nhóm sẽ là người tổng hợp ý kiến. Nếu thiết bị của nhóm trưởng gặp trục trặc, không chia sẻ được thì các thành viên trong nhóm cũng đều có thể giúp bạn chia sẻ nhiệm vụ học tập lên cho nhóm thảo luận. Tôi thấy đây là một cách thức tổ chức giúp phát triển năng lực học sinh rất tốt.

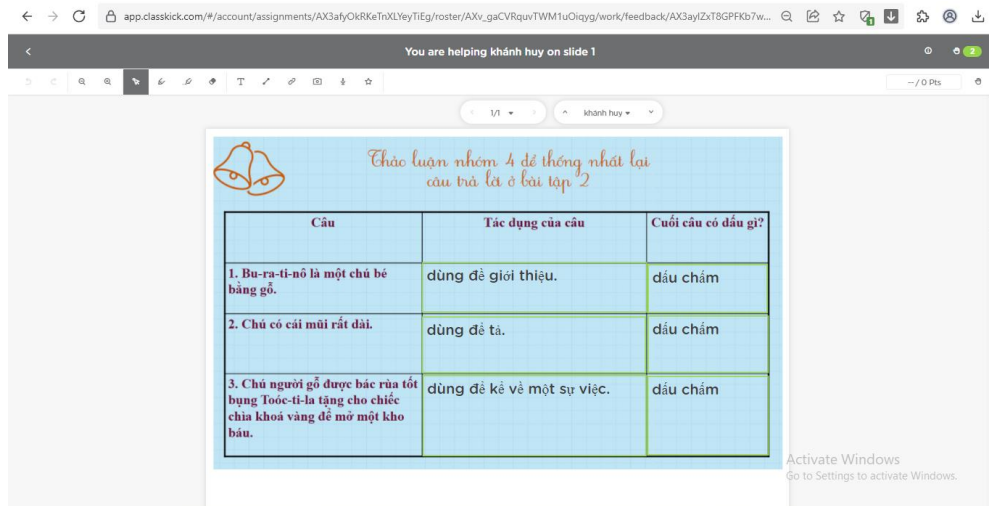
- Padlet cũng là một ứng dụng học tập trực tuyến tuyệt vời mà tôi khám phá được dịp nghỉ dịch hè năm 2021. Đây là công cụ giúp tôi thu thập kết quả làm việc của học sinh. Khi dùng Padlet, tôi có nhiều lựa chọn về giao diện hiển thị. Trong các giao diện đó, tôi thích giao diện kiểu *Tường* hoặc kiểu *Cái kệ (trình bày theo cột)*. Khi giao bài tập trên Padlet, tôi nêu rõ yêu cầu và cách thực hiện ngắn gọn để học sinh nắm được cách làm. Những buổi học đầu, tôi chia sẻ màn hình và hướng dẫn học sinh cách nộp bài, cách đăng ảnh, cách tra cứu các nguồn tài liệu trên internet, giúp học sinh không chỉ thực hiện được nhiệm vụ học tập mà còn nâng cao được kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và cách tra cứu tài liệu từ nguồn tri thức vô tận – internet.

- Ngoài ra, để khích lệ, động viên các em trong quá trình học tập, tôi còn sử dụng ứng dụng ClassDojo để quản lý học sinh. Trong ứng dụng này, mỗi em sẽ là một chú monster đáng yêu. Các em có thể tự do lựa chọn kiểu dáng chú monster theo ý thích cá nhân. Mỗi em đều sẽ có mục điểm cộng, điểm trừ để các em thi đua với nhau. Cuối mỗi tuần, tổ trưởng sẽ thống kê số điểm các em đạt được và tiến hành bình bầu trong nhóm. Kết quả bình bầu sẽ được gửi lên cô giáo chủ nhiệm để xem xét, điều chỉnh nếu cần thiết và công bố trước lớp. Việc theo dõi thi đua trên ứng dụng này khiến các em thấy cực kỳ thích thú, kích thích sự phấn đấu của các em.

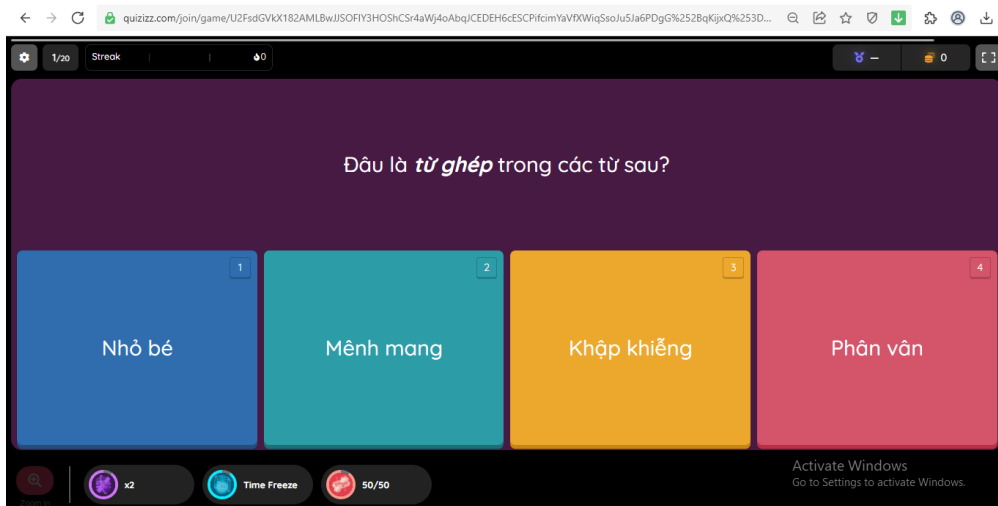
Một số hình ảnh minh họa các ứng dụng được sử dụng trong dạy học trực tuyến



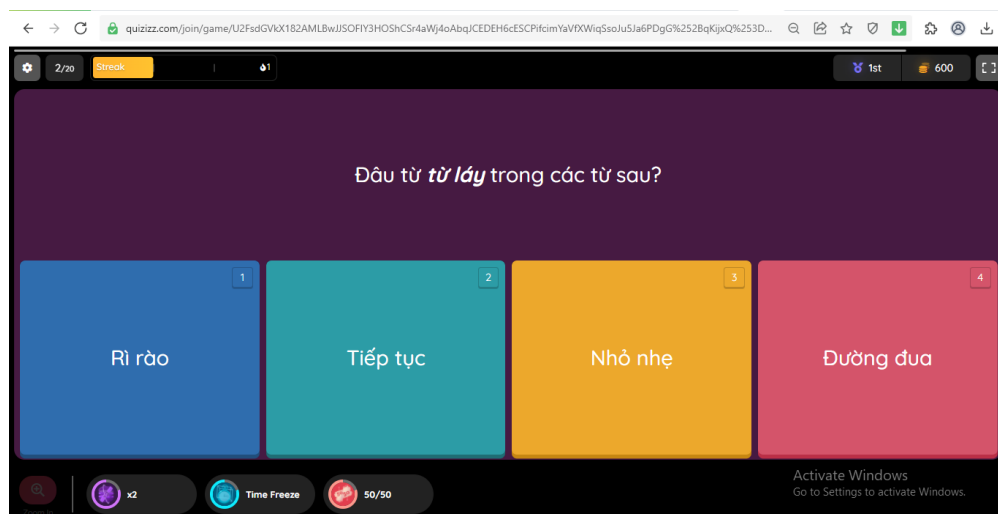
Hình ảnh minh họa quản lý lớp học với ứng dụng ClassDojo



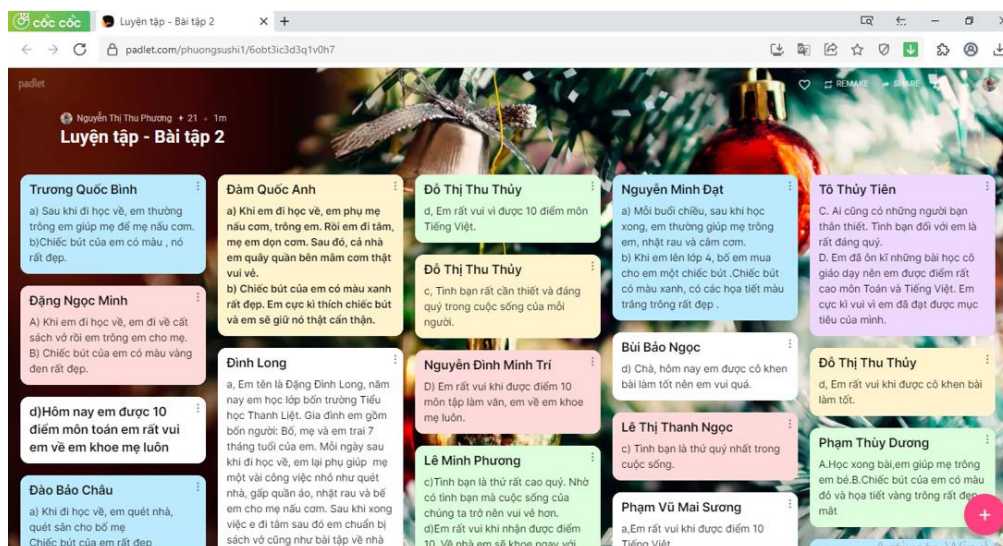
Hình ảnh minh họa phiếu thảo luận nhóm bài **Câu kể (Tuần 16)** - Classkick



Hình ảnh minh họa bài tập củng cố về **Từ ghép, từ láy**



Hình ảnh minh họa bài tập củng cố về **Từ ghép, từ láy**



Hình ảnh minh họa bài tập 2 – phần Luyện tập – Câu kể (Tuần 16) - Padlet

Ngoài ra, với một số nội dung, tôi gửi video trước để học sinh chuẩn bị bài hoặc có đôi khi, tôi gửi sau giờ dạy để học sinh xem lại.

=> Như vậy, việc vận dụng linh hoạt các ứng dụng này đã thu hút học sinh hào hứng tham gia vào bài học, các em chủ động tiếp thu kiến thức, háo hức mong chờ đến giờ học. Những bài tập, kiến thức tưởng như khô khan, nặng nề giờ được các em tiếp nhận một cách nhẹ nhàng với cảm xúc vui tươi, thoải mái.

3. Biện pháp 3: Bồi dưỡng khả năng tự học cho học sinh

Trong thời gian học trực tuyến để phòng, chống dịch bệnh Covid-19, khả năng tự học của mỗi học sinh là vô cùng quan trọng và cần thiết vì hầu hết bố mẹ đi làm, ông bà ở nhà đã nhiều tuổi, khó có thể sát sao với con. Thậm chí, có gia đình bố mẹ đi làm vắng, con ở nhà tự học, tự phục vụ các nhu cầu cá nhân. Qua thời kì học trực tuyến cuối năm học 2020 – 2021, có học sinh đã hổng kiến thức. Thời gian của mỗi tiết học trực tuyến không có nhiều (35 phút/ tiết học); có những bài phải học gộp vào 1 tiết học và cũng không có thời gian củng cố kiến thức vào tiết Hướng dẫn học buổi chiều như khi học trực tiếp. Bởi vậy, học sinh cần chuẩn bị bài trước theo phiếu giao việc của giáo viên. Trong năm học này, tôi rất chú ý và dành nhiều thời gian để soạn nội dung các phiếu giao việc các bài học cho học sinh. Đây cũng là một trong những yêu cầu về chuyên môn mà lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo nơi tôi đang công tác chỉ đạo và yêu cầu các giáo viên cần thực hiện tốt để bồi dưỡng, nâng cao khả năng tự học. Nhờ có phiếu giao việc, học sinh có sự chuẩn bị trước. Khi lên lớp với thời lượng 35 phút/ tiết học, tôi có thể giải quyết lượng kiến thức của cả bài học đó. Phiếu giao việc, phiếu bài tập không chỉ giúp học sinh chuẩn bị trước bài học mà còn giúp giải quyết phần còn lại của tiết học, giúp củng cố thêm kiến thức của bài học.

(Giáo viên gửi trước file word hoặc đường link Padlet, Classkick). Khi đến giờ dạy, học sinh sẽ chia sẻ bài làm của mình trước lớp hoặc giáo viên chia sẻ những nội dung học sinh đã chuẩn bị trên Padlet, Classkick.

Ví dụ: Khi dạy bài Câu kể, tôi đã giao phiếu bài tập cho học sinh như sau:

PHIẾU BÀI TẬP

Hãy đánh dấu x vào các câu kể mà em chọn và nêu tác dụng của câu kể đó.

Câu	Câu kể (Đánh dấu x)	Tác dụng
1. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.		
2. Cánh diều mềm mại như cánh bướm.		
3. Chúng tôi vui sướng đến phát đại nhìn lên trời.		
4. Tiếng sáo diều vi vu trầm bồng.		
5. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,...như gọi thấp xuống những vì sao sớm.		

Với việc yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu giao việc, chuẩn bị các bài học trước khi lên lớp, trong các tiết học trực tuyến, tôi có thêm thời gian để chữa bài, củng cố, chốt kiến thức cho học sinh.

Đặc biệt là trong chương trình lớp 4, học sinh cần được cung cấp nhiều vốn từ. Ngay từ đầu năm học, tôi đã động viên phụ huynh mua cho các con các sách như: Từ điển Tiếng Việt cho học sinh tiểu học, Từ điển từ láy, Từ điển Chính tả, gợi ý cho học sinh một số sách văn học dành cho lứa tuổi thiếu nhi để các em đọc, có thêm kiến thức văn học, xã hội, bồi dưỡng tình yêu văn học.

Ngoài ra, một số học sinh về quê mà chưa kịp mang từ điển về, tôi đã hướng dẫn cách sử dụng từ điển trực tuyến hoặc tìm hiểu các từ ngữ, hình ảnh chuẩn bị cho bài trên internet. Do vậy, học sinh lớp tôi thường được giáo viên Tin học khen là nhanh nhạy với công nghệ thông tin.

Ví dụ 1: Bài Mở rộng vốn từ Nhân hậu - Đoàn kết (Tuần 2), tôi đã soạn phiếu giao việc với nội dung như sau:

Bài	Hướng dẫn cách làm
Bài 1: Tìm các từ ngữ: a. Thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại. b. Trái nghĩa với nhân hậu hoặc yêu thương. c. Thể hiện tinh thần đùm bọc hoặc giúp đỡ đồng loại. d. Trái nghĩa với đùm bọc hoặc giúp đỡ.	- Em hãy đọc bài Tập đọc <i>Đế Mèn bênh vực kẻ yếu</i> , bài Chính tả <i>Mười năm công bạn đi học</i> để tìm các từ theo các yêu cầu của bài tập. - Xem trích đoạn video về cảnh cứu trợ, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, ủng hộ người nghèo... để liên hệ tìm từ theo yêu cầu của bài.

Ví dụ 2: Bài Mở rộng vốn từ “Đồ chơi – Trò chơi” (Tuần 15), tôi đã soạn phiếu giao việc với nội dung như sau:

Bài	Hướng dẫn cách làm
Mở rộng vốn từ “Đồ chơi – Trò chơi” (Tuần 15)	- Chuẩn bị một số đồ chơi yêu thích, đồ chơi hay chơi hàng ngày hoặc tìm hình ảnh, video về đồ chơi đó. - Miêu tả lại đồ vật đó cùng cách chơi.

Thời gian đầu, với mỗi phiếu giao việc, tôi hướng dẫn chi tiết, cụ thể cho học sinh quen với cách làm việc. Sau một thời gian áp dụng, học sinh còn chủ động hỏi tôi nội dung phiếu giao việc cho những bài học của những buổi học sau.

V. Kết quả đạt được

Sau một thời gian áp dụng những biện pháp trên vào việc giảng dạy phân môn Luyện từ và câu, điều làm cho tôi thấy vui mừng, có động lực trong công việc đó là: học sinh đón nhận tiết học rất sôi nổi, hào hứng và tự giác hoàn thành các nhiệm vụ học tập; học sinh biết cách trình bày, trao đổi, tranh luận về những vấn đề gần gũi với đời sống và phù hợp với trình độ của học sinh lớp 4; học sinh được rèn 4 kĩ năng nghe, nói, viết, đọc. Nhiều em không những nói đúng, sử dụng đúng từ ngữ trong nói và viết mà còn nói được hay hơn, vốn từ phong phú hơn. Hơn nữa các em cảm thấy yêu quý, tự hào và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt thông qua phân môn Luyện từ và câu. Giữa tôi và học sinh có sự phối hợp nhịp nhàng, gây hứng thú cho cả giáo viên và học sinh. Giờ học sôi nổi, vui vẻ, nhẹ nhàng, không còn căng thẳng, nặng nề như trước.

Chính nhờ học tốt phân môn Luyện từ và câu đã giúp cho kết quả chung của môn Tiếng Việt cũng cao hơn, cụ thể:

Kết quả khảo sát về kiến thức tiếng Việt sau khi áp dụng SKKN

1. **Đối tượng khảo sát: Học sinh lớp 4D**
2. **Thời gian khảo sát: ngày 19/4/2020**
3. **Kết quả khảo sát:**

STT	Nội dung	Học sinh nắm được kiến thức	Học sinh còn chưa nắm chắc
1.	Từ loại (Danh từ, Động từ, Tính từ)	91%	9%
2.	Từ đơn, từ phức	89%	11%
3.	Từ ghép và từ láy	89%	11%
4.	Biện pháp tu từ (So sánh, Nhân hóa)	89%	11%
5.	Dấu câu (Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu hai chấm, dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép)	89%	11%
6.	Câu (Câu kê (Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?), Câu hỏi, Câu cảm, Câu khiến)	89%	11%
7.	Thành phần câu (Chủ ngữ, Vị ngữ, Trạng ngữ)	87%	13%
8.	Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học	89%	11%

Bảng so sánh số liệu trước và sau khi thực hiện các giải pháp của SKKN

1. **Đối tượng khảo sát: Học sinh lớp 4D**
2. **Thời gian khảo sát: ngày 19/4/2020**
3. **Kết quả khảo sát:**

STT	Nội dung	Trước khi thực hiện các giải pháp của SKKN		Sau khi thực hiện các giải pháp của SKKN	
		Học sinh nắm được kiến thức	Học sinh còn chưa nắm chắc	Học sinh nắm được kiến thức	Học sinh còn chưa nắm chắc
1.	Từ loại (Danh từ, Động từ, Tính từ)	81%	19%	91%	9%
2.	Từ đơn, từ phức			89%	11%
3.	Từ ghép và từ láy			89%	11%
4.	Biện pháp tu từ (So sánh, Nhân hóa)	77%	23%	89%	11%
5.	Dấu câu (Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu hai chấm, dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép)	79%	21%	89%	11%
6.	Câu (Câu kể (Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?), Câu hỏi, Câu cảm, Câu khiến)	74%	26%	89%	11%
7.	Thành phần câu (Chủ ngữ, Vị ngữ, Trạng ngữ)	72%	28%	87%	13%
8.	Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học	77%	23%	89%	11%

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. Kết luận

Để nâng cao chất lượng môn Tiếng Việt, trước hết mỗi giáo viên không được xem nhẹ một phân môn nào trong môn Tiếng Việt hay một mảng kiến thức nào. Chủ động lập kế hoạch giảng dạy chú ý phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực để thu hút học sinh chủ động nắm kiến thức. Người giáo viên cần có lòng yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với nghề. Phải luôn nghiêm túc thực hiện giảng dạy theo nguyên tắc từ đơn giản đến phức tạp, quan tâm bồi dưỡng tất cả các đối tượng học sinh. Bên cạnh đó, mỗi giáo viên cần không ngừng học tập nâng cao trình độ kiến thức, tích lũy kinh nghiệm, tổ chức các hình thức dạy học phong phú, linh hoạt, khéo léo, đổi mới phương pháp dạy học, luôn giữ vai trò dẫn dắt, tổ chức, hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động một cách hiệu quả, coi học sinh là trung tâm giờ học, tạo không khí học tập nhẹ nhàng, sôi nổi mà hiệu quả, học hỏi đồng nghiệp, tích cực tìm tòi cái mới áp dụng vào dạy học nhằm đạt kết quả cao nhất.

II. Khuyến nghị

2.1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục tổ chức các chuyên đề về phát huy năng lực của học sinh đáp ứng theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 để giáo viên có điều kiện học hỏi đồng nghiệp, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cũng như chất lượng giảng dạy.

2.2. Đối với phụ huynh học sinh

Phụ huynh cần phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường, các thầy cô giáo đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm lớp để phát huy các năng lực và phẩm chất của học sinh nhằm giúp các em học tốt phân môn Luyện từ và câu, học tốt môn Tiếng Việt và hoàn thành chương trình Tiểu học.

2.3. Đối với giáo viên

Mỗi giáo viên cần tự trau dồi, tự bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kiến thức, tìm hiểu và ứng dụng công nghệ thông tin, trò chơi học tập để mỗi tiết học đều trở nên cuốn hút, hiệu quả hơn.

Đây là những kinh nghiệm mà tôi đã rút ra được sau một năm sử dụng các biện pháp giúp học sinh lớp 4 học tốt phân môn Luyện từ và câu. Rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của các đồng nghiệp và các cấp lãnh đạo để sáng kiến của tôi thật sự có giá trị, có hiệu quả và được áp dụng rộng rãi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2021

Tôi xin cam đoan đây là SKKN của mình viết,
không sao chép nội dung của người khác.

Người viết

Nguyễn Thị Thu Phương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019
2. Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4 (tập 1, tập 2) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3. Sách giáo viên Tiếng Việt lớp 4 (tập 1, tập 2) – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4. Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở Tiểu học lớp 4 - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2009
5. Tiếng Việt 4 nâng cao – GS. TS. Lê Phương Nga - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6. Vở bài tập nâng cao Từ và Câu lớp 4 – GS. TS. Lê Phương Nga, TS. Lê Hữu Tĩnh – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7. Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới
8. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học II – Lê Phương Nga – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9. Hỏi đáp về Chương trình Giáo dục phổ thông – GS. TS Nguyễn Minh Thuyết– Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10. Hỏi - đáp về dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học – Nguyễn Hữu Hợp – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
11. Tạp chí Giáo dục Tiểu học
12. Tạp chí Thế giới trong ta
13. Một số tài liệu khác